



guì huā
桂花

Noun · Osmanthus / sweet osmanthus

Example Sentences

zhè shì guì huā

这是桂花。

This is osmanthus.

guì huā hěn xiāng

桂花很香。

Osmanthus is very fragrant.

yóu yú qì hòu yì cháng jīn nián de guì huā bìng méi yǒu rú qī zhàn fàng

由于气候异常，今年的桂花并没有如期绽放。

Due to abnormal weather, this year's osmanthus did not bloom as scheduled.

Trace each character, then write the word on your own.

桂	桂	桂	桂	桂	桂	桂	桂	桂	桂	桂
桂	桂									

花	花	花	花	花	花	花	花	花	花